TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST
NgàY: 15-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai T Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông NguYễn Văn Vân;
Bà NguYễn Thị Kim Linh.

***- Thư kY phiên tòa*:** Bà NguYễn ThụY Hải Yến - Thư kY Tòa án, Tòa án nhân dân huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh TâY Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Xuân H Vinh - Kiểm sát viên.

NgàY 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lY số 103/2019/TLST-HS ngàY 26 tháng 12 năm 2019 theo QuYết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngàY 02 tháng 01năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H (C), sinh năm 1989 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp L, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Cán bộ Nông nghiệp Uỷ ban nhân dân xã Hòa Hội; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang V và bà NguYễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngàY 23-7-2019 đến ngàY 20-9-2019 thaY thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh, đến ngàY 13/01/2020 bị bắt tạm giam đến naY. "Có mặt"

2. Lê Thị Kim L (L), sinh năm 1980; tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp H, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà NguYễn Thị N; có cH và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại."Có mặt"

3. Trần Văn Y, sinh năm 1981 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp H, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà NguYễn Thị M (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án:

Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngàY 23-7-2019 đến ngàY 20-9-2019 thaY thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh.“Có mặt”

4. Trịnh Thị N, sinh năm 1952 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); có cH và 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.“Có mặt”

5. Trần Thị T, sinh năm 1959 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp H, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà NguYễn Thị L (đã chết); có cH và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.“Có mặt”.

6. Trần Thị N, sinh năm 1958 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp H, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà NguYễn Thị M (đã chết); có cH và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.“Có mặt”.

7. NguYễn Văn N, sinh năm 1983 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp T, xã T, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông NguYễn Văn B và bà Lư Thị K; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngàY 23-7-2019 đến ngàY 30-8-2019 thaY thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh.“Có mặt”.

8. Trần Thị T, sinh năm 1960 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp H, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Giang Thị H (đã chết); có cH và 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.“Có mặt”.

9. NguYễn Văn H, sinh năm 1970 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông NguYễn Văn U và bà Dương Thị A (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngàY 23-7-2019 đến ngàY 20-9-2019 thaY thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh.“Có mặt”.

10. Phan Thị H, sinh năm 1974 tại tỉnh TâY Ninh; nơi cư trú hiện naY: Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đ và bà NguYễn Thị T; có cH và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.“Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngàY 22/7/2019, tại vườn cao su sau quán cà phê của NguYễn Văn H và Phan Thị H thuộc Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh, Công an huYện Châu Thành bắt quả tang Lê Văn H đang tổ chức cho người khác tham gia chơi bài bửu thắng thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc: tiền Việt Nam 5.250.000 đồng, 39 lá bài TâY các loại và các đồ vật khác có liên quan.

Quá trình điều tra chứng minh được: Khoảng 15 giờ 30 phút ngàY 22/7/2019, Lê Văn H đến vườn cao su của NguYễn Văn H để chơi đánh bạc bằng hình thức đánh bài bửu cho người chơi đặt cược. Lúc đầu, H hùn với Lê Thị Kim L mỗi người 1.500.000 đồng để làm cái. Sau đó, do thua hết tiền nên L nghỉ làm cái. Lúc nàY H mượn của chị Kiều Thị H số tiền 3.000.000 đồng rồi tiếp tục làm cái và nhờ NguYễn Văn H chia, kiểm tra bài, trực tiếp chung chi tiền thắng thua, H quY định số tiền đặt mỗi ván thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng. Những người tham gia đặt cược cụ thể: Lê Thị Kim L mang theo 1.700.000 đồng, hùn 1.500.000 đồng với H để làm cái nhưng thua hết tiền hùn nên L không làm cái nữa mà ra ngồi đặt cược. Khi L đặt cược 100.0000 đồng chưa có kết quả thắng thua thì bị bắt quả tang. Trần Văn Y mang theo 700.000 đồng đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Tại ván bị bắt quả tang Y đặt cược số tiền 100.000đ chưa có kết quả thắng thua. Khi chơi Y thắng được tổng cộng số tiền 700.000 đồng. NguYễn Văn N mang theo 200.000 đồng, khi chơi N và Trịnh Thị N mỗi người bỏ ra 200.000 đồng để tham gia đặt cược. Tại ván bị bắt quả tang N và Nên đặt 02 tụ 100.000 đồng và 150.000 đồng, nhà cái đang chia bài thì bị bắt quả tang. Trịnh Thị N mang theo 450.000 đồng đến đặt cược thua hết 250.000 đồng. Còn 200.000 đồng, Nên hùn với N mỗi người 200.000 đồng để đặt cược thì bị bắt quả tang. Trần Thị T mang theo 300.000 đồng đặt cược khoảng 10 ván, tại ván bắt quả tang T đặt cược 50.000 đồng chưa có kết quả thắng thua. Trần Thị N mang theo 300.000 đồng tham gia đặt cược thua hết số tiền 200.000 đồng, còn 100.000 đồng Nhỏ đặt tại ván bị bắt quả tang chưa có kết quả thắng thua. Trần Thị T mang theo 100.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván 50.000 đồng, tham gia được 06 ván thua hết tiền nên ngồi xem được 03 ván thì bị bắt quả tang. NguYễn Tuấn T mang theo 200.000 đồng tham gia đặt cược tại thời điểm H hùn tiền với L làm cái, mỗi ván 50.000 đồng thắng liên tiếp 6 ván với số tiền là 300.000 đồng, đến khi H và L thua hết tiền, H đứng ra làm cái một mình thì T không tham gia đặt cược nữa.

Đối với NguYễn Văn H và Phan Thị H: Vì muốn thu hút khách đến quán uống nước, H và H đã cho người chơi đánh bạc ở vườn cao su phía sau quán cà phê của mình. Sau đó, do người chơi từ các địa phương khác đến đông nên H và H tiến hành thu tiền xâu của người làm cái từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, manh, bàn ghế là của H và H chuẩn bị sẵn. Vào ngàY bị bắt quả tang H thu được 300.000 đồng tiền xâu bài. Ngoài ra, trong lúc H làm cái, H đã có hành vi giúp H chia bài để H thắng thua với người chơi.

Hành vi nêu trên của các bị cáo NguYễn Văn H, Phan Thị H, Lê Văn H, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị N, Trần Thị T, Lê Thị Kim L, Trịnh Thị N, Trần Thị T đã phạm vào tội: "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quY định tại Khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Tuấn T có tham gia đánh bạc nhưng số tiền dùng đánh bạc không đủ định lượng xử lý hình sự nên Công an huYện Châu Thành chuYển Công an xã Hòa Hội xử lý hành chính theo quy định.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- 91 (chín mươi mốt) lá bài tâY các loại (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại M269, màu trắng, số emei 1: 812695111004704, số emei 2: 812691109604704 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354492091821133 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 5S (16G), màu trắng, số emei: 355676070630171 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tite, loại A32F, màu H, số emei 1: 355501093473922; số emei 2: 355501093473930 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại X1, màu đen, số emei 1: 355178057168085, số emei 2: 355178057168093 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354198105499168 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) CCCD số: 072089004751 mang tên Lê Văn H;
- 01 (một) CCCD số: 072081003719 mang tên Trần Văn Y;
- Tiền Việt Nam: 11.450.000;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu trắng, số emei: 357342089322254.

Về kê biên tài sản:

Kê biên của Lê Thị Kim L 01 thửa đất trồng lúa số 3802, tại tờ bản đồ số 10 có tổng diện tích 4.870m^2 thuộc ấp Trường, xã Hảo Đước, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh.

Kê biên của Trần Thị N 01 thửa đất chuYên trồng lúa nước số 134, tại tờ bản đồ số 45 có tổng diện tích 8.372,7m^2 thuộc ấp Trường, xã Hảo Đước, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh.

Kê biên của Phan Thị H 01 thửa đất trồng câY lâu năm số 2124, tại tờ bản đồ số 06 có tổng diện tích 1.600m^2 thuộc Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSCT ngàY 24 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh truY tố các bị cáo Lê Văn H, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị N, Trần Thị T, Lê Thị Kim L, Trịnh Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H về tội "Đánh bạc" theo quY định tại khoản 1, Điều 321của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh giữ nguYên quYết định truY tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

TuYên bố các bị cáo Lê Văn H (C), Lê Thị Kim L (L), Trần Văn Y, Trịnh Thị N, Trần Thị T, Trần Thị N, NguYễn Văn N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo NguYễn Văn H (Cọp) từ 06 đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo Lê Thị Kim L (L), Trần Văn Y, Trịnh Thị N, Trần Thị T, Trần Thị N, NguYễn Văn N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H từ 06 đến 09 tháng tù, cho các bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam 7.950.000 đồng (trong đó tiền tại chiếu bạc là 5.250.000 đồng và 2.700.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc).

Tịch thu tiêu hủY: 91 (chín mươi mốt) lá bài tâY các loại (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 5S (16G), màu trắng, số emei: 355676070630171 (đã qua sử dụng); 01 (một) CCCD số: 072089004751 mang tên Lê Văn H.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại M269, màu trắng, số emei 1: 812695111004704, số emei 2: 812691109604704 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Y: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354492091821133 (đã qua sử dụng); 01 (một) CCCD số: 072089004751 mang tên Trần Văn Y.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tite, loại A32F, màu H, số emei 1: 355501093473922; số emei 2: 355501093473930 (đã qua sử dụng); số tiền 2.050.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại X1, màu đen, số emei 1: 355178057168085, số emei 2: 355178057168093 (đã qua sử dụng); số tiền 1.350.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo NguYễn Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354198105499168 (đã qua sử dụng); số tiền 100.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu trắng, số emei: 357342089322254.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo L: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Y: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nên: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nhỏ: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Thẩm: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quYết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huYện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huYện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truY tố đã thực hiện đúng về thẩm quYền, trình tự, thủ tục theo quY định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có Y kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quYết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quYết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào lúc 21 giờ 30 phút ngàY 22/7/2019, tại vườn cao su sau quán cà phê của NguYễn Văn H và Phan Thị H thuộc Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh, Công an huYện Châu Thành bắt quả tang Lê Văn H đang làm cái đánh bài binh bửu cho các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị T, Trần Thị N, Trịnh Thị N, Trần Thị T tham gia thắng thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc: tiền Việt Nam 5.250.000 đồng, 39 lá bài TâY các loại và các đồ vật khác có liên quan. NguYễn Văn H và Phan Thị H nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng bị cáo H và H đã cho các bị cáo khác đánh bạc ở vườn cao su phía sau quán cà phê của mình nhằm thu lợi bất chính. Hành vi sử dụng địa điểm thuộc quYền quản lY của H và H chưa đủ Yếu tố cấu thành tội gá bạc, do đó H và H phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội đánh bạc với các bị cáo khác. Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ. Do đó có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Văn H, Lê Thị Kim L, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị T, Trần Thị N, Trịnh Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H và Phan Thị H phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quY định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an ninh xã hội. Chơi bài bửu thắng thua bằng tiền là hình thức đánh bạc trái

phép bị Nhà nước nghiêm cấm, các bị cáo nhận thức được điều nàY nhưng do ham lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậY, cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng chống tội phạm.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo thấY rằng:

Bị cáo H là người có vai trò chính, là người trực tiếp làm cái để các bị cáo khác tham gia. Bị cáo H trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không ăn năn, không hối cải. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án nàY và cần cách lY bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo L là người hùn làm cái với bị cáo H ở giai đoạn đầu, sau đó không làm cái nữa bị cáo tiếp tục tham gia đặt cược. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại nhưng thấp hơn bị cáo H.

Đối với các bị cáo Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị T, Trần Thị N, Trịnh Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H và Phan Thị H số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là không lớn, hành vi của các bị cáo là nguY hiểm không đáng kể, do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của của các bị cáo.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị N, Trần Thị T, Trịnh Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đâY là các tình tiết giảm nhẹ theo quY định tại điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng khi quYết định hình phạt. Bị cáo Lê Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đâY là các tình tiết giảm nhẹ theo quY định tại điểm i, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo H được hưởng. Các bị cáo Lê Văn H và Phan Thị H gia đình có người có công với cách mạng, đâY là tình tiết giảm nhẹ quY định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà các bị cáo Lê Văn H và Phan Thị H được hưởng.

[7] Xét thấY các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Văn Y, NguYễn Văn N, Trần Thị N, Trần Thị T, Trịnh Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quY định tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Biện pháp tư pháp: Các vật chứng dùng vào việc phạm tội có giá trị sử dụng thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; các vật chứng không có giá trị sử dụng, cấm tàng trữ thì tịch thu tiêu huỷ. Các vật chứng khác không dùng vào việc phạm tội hoặc không do phạm tội mà có thì tuYên trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lY hợp pháp.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quYết 326/2016/UBTVQH14 của ỦY ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ TuYên bố các bị cáo Lê Văn H (C), Lê Thị Kim L (L), Trần Văn Y, Trịnh Thị N, Trần Thị T, Trần Thị N, NguYễn Văn N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn H (C) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngàY 13-01-2020; khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngàY 23-7-2019 đến ngàY 20-9-2019.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim L (L) 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Y 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo NguYễn Văn N 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo NguYễn Văn H 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngàY tuYên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Thị Kim L (L), Trần Văn Y, Trịnh Thị N, Trần Thị T, Trần Thị N, Trần Thị T, NguYễn Văn H, Phan Thị H cho Uỷ ban nhân dân xã Hòa Hội, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thaY đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quY định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo NguYễn Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã Thành Long, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thaY đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quY định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố Y vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quYết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam 7.950.000 đồng (trong đó tiền tại chiếu bạc là 5.250.000 đồng và 2.700.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc).

Tịch thu tiêu hủY: 91 (chín mươi mốt) lá bài tâY các loại (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 5S (16G), màu trắng, số emei: 355676070630171 (đã qua sử dụng); 01 (một) CCCD số: 072089004751 mang tên Lê Văn H.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại M269, màu trắng, số emei 1: 812695111004704, số emei 2: 812691109604704 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Y: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354492091821133 (đã qua sử dụng); 01 (một) CCCD số: 072089004751 mang tên Trần Văn Y.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tite, loại A32F, màu H, số emei 1: 355501093473922; số emei 2: 355501093473930 (đã qua sử dụng); số tiền 2.050.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại X1, màu đen, số emei 1: 355178057168085, số emei 2: 355178057168093 (đã qua sử dụng); số tiền 1.350.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo NguYễn Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số emei: 354198105499168 (đã qua sử dụng); số tiền 100.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu trắng, số emei: 357342089322254.

Căn cứ vào Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

HủY bỏ Lệnh kê biên tài sản số 03/L-CSĐT ngàY 06-9-2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huYện Châu Thành đối với 01 thửa đất trồng lúa số 3802, tại tờ bản đồ số 10 có tổng diện tích 4.870m^2 thuộc ấp Trường, xã Hảo Đước, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh.

HủY bỏ Lệnh kê biên tài sản số 04/L-CSĐT ngàY 06-9-2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huYện Châu Thành đối với 01 thửa đất chuYên trồng lúa nước số 134, tại tờ bản đồ số 45 có tổng diện tích 8.372,7m^2 thuộc ấp Trường, xã Hảo Đước, huYện Châu Thành, tỉnh TâY Ninh.

HủY bỏ Lệnh kê biên tài sản số 02/L-CSĐT ngàY 06-9-2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huYện Châu Thành đối với 01 thửa đất trồng câY lâu năm số 2124, tại tờ bản đồ số 06 có tổng diện tích 1.600m^2 thuộc Ấp B, xã H, huYện C, tỉnh TâY Ninh.

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quYết 326/2016/UBTVQH14 của ỦY ban thường vụ Quốc hội; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quYền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo được quYền kháng cáo trong thời hạn 15 ngàY kể từ ngàY tuYên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TâY Ninh;
- VKSND tỉnh TâY Ninh;
- VKSND huYện CT;
- CC THA huYện CT;
- Bị cáo;
- Cơ quan điều tra Công an huYện CT;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA huYện CT;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thanh Tú